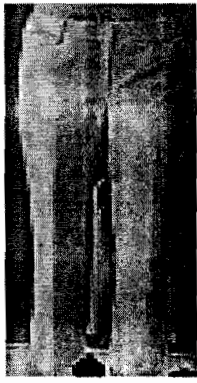


福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

款式: G16-249P	款式說明 订单 : 2,700 件	制表人: NGA	日期: 2016/06/20	文件編號:
參考雷同款:			照片 	
生產車縫時間:2376	特車組時間: 351	總時間: 2727		
生產出數: 12.12	特車組出數:82.05	IE 總出數: 10.6		

PPIC 主管:

[Handwritten signature]
6/20

G16-249P 縫製 流程圖



作業別時間明細表

作業別	車縫組 (秒)	專車組 (秒)
平車作業	1563	
整車作業	110	

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: G16-249P
6/16/2016

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT:

12.12

# OP NO Mã công	Operation Tên công đoạn	Grade Cấp	合縫記號	使用機器	time Thời gian	price Đơn	out put Sản lượng	使用配 件及其他
01	前片划号*2	SD TT+vi trí túi*2	C	HAND	36	267.1	800	
02	前袋贴拷三线*4	VS 3C đáp túi*2*2	B	SW	20	159.4	1440	
03	袋贴划号*2	SD đáp túi*2	C	HAND	10	74.2	2880	
04	袋贴接里布暗线*2 (大)	Cán lót vào đáp túi(tô)*2	B	SINGLE	28	223.2	1029	
05	机开袋 (小)	Bổ túi bằng máy +đặt lót*1	B	SPECIAL	52	414.4	554	
06	Close 2edge*2	Chặn 2 đầu coi túi nhỏ*1	A	SINGLE	14	117.2	2057	
07	Press pkt open*2	Là miệng túi nhỏ*1	B	PRESS	7	55.8	4114	
08	接小布, 袋底暗线, 封口	Cán lót túi+quay tròn đáy túi+ghim kín	A	SINGLE	45	376.7	640	
09	口袋烫衬	Là méch miệng túi	B	PRESS	17	135.5	1694	
10	前袋口模版暗线	Cán chập miệng túi*(đặt coi+lót)(mẫu)	B	SPECIAL	34	271.0	847	
11	前袋口压明线	Mí miệng coi túi +bấm góc 1/16	B	SINGLE	32	255.0	900	
12	前袋口明线 1/4	Điều miệng túi ngoài 1/4	B	SINGLE	24	191.3	1200	
13	烫前袋口	Là miệng túi trước*2	B	PRESS	17	135.5	1694	
14	袋贴接里布暗线*2 (小)	Dán đáp vào lót túi (nhỏ)*2	B	SINGLE	22	175.3	1309	
15	口袋固定上下	Ghim miệng túi trên dưới	A	SINGLE	38	318.1	758	
16	袋底暗线及版*2	Quay lót túi +lộn*2	B	SINGLE	40	318.8	720	
17	袋底明线 1/4	Điều lót túi 1/4	B	SINGLE	32	255.0	900	
18	前袋车封口	Ghim kín miệng túi*2	B	SINGLE	18	143.5	1600	
19	前片拷三线&下摆拷三线	VS 3C xung quanh TT*2	B	SW	35	279.0	823	
20	内叉固定及翻	Chặn sẽ gấu quần +lộn*2*2	B	SINGLE	68	542.0	424	
21	外浪拷5线	VS 5 chỉ dọc	B	SW	64	510.1	450	
22	烫外浪及边叉	Là rẽ dọc quần +sẻ	B	PRESS	16	127.5	1800	
23	外浪明线 1/4&透叉明线	Điều dọc quần +sẻ 1/4	B	SINGLE	79	629.6	365	
24	内浪暗线 (锁链线)	Cán chập giàng quần*2(chỉ tết)	B	CHAIN STITCH	62	494.1	465	
25	Press seam inseam	Là rẽ giàng quần	B	PRESS	30	239.1	960	
26	Serge front&back rise*2	VS 3C đứng TT+TS*2	B	SW	29	231.1	993	
27	Join front&back rise(matched stripe)	Chấp đứng TT+TS (chỉ tết)	B	CHAIN STITCH	48	382.6	600	
28	Join fly, stitch	Cán chập moi+mí	B	SINGLE	25	199.3	1152	
29	Crease fly+press back rise	Là gấp moi+là đứng TT+TS	B	PRESS	23	183.3	1252	
30	上拉链	Tra khóa	A	SINGLE	36	301.3	800	
31	Topstitch fly+close *2	Điều moi khóa 1 kim+chặn moi*2	B	SINGLE	45	358.7	640	
32	Join belt loop+sew belt loop	Cán đĩa+máy đĩa*5	B	SINGLE	24	191.3	1200	
33	烫耳子	Là đĩa*5	B	PRESS	4	31.9	7200	
34	Mark+cut belt loop*5	SD+cắt đĩa*5	C	HAND	6	44.5	4800	
35	上耳子*5	Tra đĩa, sd*5	B	SINGLE	45	358.7	640	
36	裤腰切修 (后上)	Chém cạp sau khi tra	C	HAND	24	178.1	1200	
37	上裤腰及划号	Tra cạp, sd	A	SINGLE	85	711.5	339	
38	裤腰落级缝压明线	Mí chân cạp lọt khe	A	SINGLE	95	795.2	303	
39	耳子固定上下*5*2	Chặn đĩa trên, dưới*5*2	B	SINGLE	54	430.4	533	
40	下摆车跳脚	Vắt gấu quần	A	SINGLE	58	485.5	497	
41	边缝固定标	Ghim móc sườn	B	SINGLE	12	95.6	2400	
XZ	Trim thread	Cắt chỉ	C	HAND	96	712.3	300	
001	Mark hole at band*1 posititon	SD thừa khuyết cạp*1	C	HANDSCL	8	59.4	3600	
002	Sew hole*1+snap btn*1	Thừa khuyết*1+đinh cúc*1	B	SPECIAL	16	127.5	1800	
003	Bartack belt loop*5*2+F.pkt*4+B	Di bộ đĩa*5*2+bộ túi trước*4+túi sau*4	B	SPECIAL	102	812.9	282	
	Zipper facing*3	Đáp khóa*3				FALSE	#DIV/0!	
A01	Sew edge*1	Cán chập đáp khóa bìa mẫu	B	SPECIAL	13	103.6	2215	
A02	Trim&turn	Gột, lộn đáp khóa	C	HAND	10	74.2	2880	
A03	Press	Là đáp khóa	B	PRESS	7	55.8	4114	

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: G16-249P
6/16/2016

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT:

12.12

# OP NO Mã công	Operation Tên công đoạn	Grade Cấp	合縫記號	使用機器	time Thời gian	price Đơn	out put Sản lượng	使用配件及其他
B03	Close pleat*2*2	May ly TS*2*2	B	SINGLE	48	382.6	600	
B04	Serge around back*2*2&下摆拷三	VS 3C TS*2	B	SW	34	271.0	847	
B05	Serge pkt facing*2*2	VS 3C đáp túi*2*2	B	SW	20	159.4	1440	
B06	Mark pkt position*2	SD vị trí túi sau*2	C	HAND	10	74.2	2880	
B07	Press pleat+Fuse pkt*2	Là ly+mex vào vị trí túi*2	B	PRESS	18	143.5	1600	
B08	Set besom*2(mach)(matched stripe)	Bổ túi bằng máy*2	B	SPECIAL	52	414.4	554	
B09	Set besom*2(hand)	Bổ túi bằng tay*2	C	HAND	25	185.5	1152	
B10	Close 2edge*2	Chặn 2 đầu coi túi*2	A	SINGLE	42	351.5	686	
B11	Press pkt open*2	Là miệng coi túi sau*2	B	PRESS	17	135.5	1694	
B12	Stich under pkt*2	Mí cạnh dưới*2	B	SINGLE	32	255.0	900	
B13	Mark bag*2	SD lót	C	HAND	21	155.8	1371	
B14	1/16foldstitch pkt facing to bag*2*	Gập mí đáp túi vào lót*2*2	B	SINGLE	36	286.9	800	
B15	Join bag(close bag)	Quay tròn túi(máy chêm)	B	SINGLE	58	462.3	497	
B16	1/4topstitch bag,turn	Đầu đáy túi +lộn1/4	B	SINGLE	65	518.1	443	
B17	1/16 stitch at pkt lip 3 under*2	Mí 3 cạnh coi túi trên*2	A	SINGLE	38	318.1	758	
B18	Tack bag to w.band	Ghim túi trên cạp	B	SINGLE	22	175.3	1309	
B19	Tack pkt open*2	Ghim kín miệng túi*2	B	SINGLE	18	143.5	1600	
	W.band*5	Cạp*5				FALSE	#DIV/0!	
C01	裤腰划号*5	SD cạp *5	C	HAND	35	259.7	823	
C02	外后中裤腰暗线*1	Can giữa cạp*1(cạp chính*1)	B	SINGLE	8	63.8	3600	
C03	后中裤腰暗线*2	Can giữa cạp trong *2	B	SINGLE	16	127.5	1800	
C04	Press seam open	Là rẽ cạp trong , ngoài	B	PRESS	12	95.6	2400	
C05	Join upper w.band*2	Can chập sống cạp (mẫu)(2 lần)	B	SPECIAL	37	294.9	778	
C06	裤腰切修一头&翻	Chém gọt đầu cạp	C	HAND	8	59.4	3600	
C07	Mark hook&eye*2	SD đính khuy cạp*2	C	HANDSCL	5	37.1	5760	
C08	Sew hook&eye*2	Đinh khuy cạp*2	B	SPECIAL	20	159.4	1440	
C09	裤腰折烫一头	Là gấp 1 đầu cạp (vuông)	B	PREES	8	63.8	3600	
C10	Join band lining+join edge band(at	Chặn đầu cạp vuông +can sống cạp m	B	SINGLE	42	334.7	686	
C11	Sew cording at w.band	May dây sống cạp	B	SINGLE	17	135.5	1694	
C12	1/16 stitch upper w.band	Mí tăng cường sống cạp +lộn	B	SINGLE	22	175.3	1309	
C13	Press seam+upper w.band	Là rẽ can cạp+là sống cạp	B	PREES	35	279.0	823	
C14	Tack w.band ledge	Ghim cạp 1 đường	B	SINGLE	21	167.4	1371	
C15	Trim&turn	Chém sửa cạp(máy chêm)	C	SINGLE	18	133.6	1600	
C16	Piping under w.band	Cuốn viền chân cạp	B	SINGLE	22	175.3	1309	
C17	Sew lbl at zise to lbl main,sew lbl	May mác cỡ vào mác chính	B	special	12	95.6	2400	
C18	裤腰车商标	May mác vào cạp	B	SINGLE	21	167.4	1371	
C19	Press piping	Là chân cạp viền	B	PRESS	8	63.8	3600	
TOTAL					2727	21297	10.6	

Double	1563				
Chain stitch	110				
Special	218	338			
Press	168				
Hand	317	13			
Amount	2376	351			